

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 01 - 2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và bà Lê Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2021/ TLST – HNGĐ ngày 03/12/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 06/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Đào Văn H, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: tổ B, khu A2, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: tổ B, khu A2, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: tổ B1, khu A2, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đào Văn H đều trình bày: anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau 02 năm. Sau khi kết hôn anh chị về sống với gia đình nhà nội ở tổ B, khu A2, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị sau kết hôn bình thường cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất dẫn đến cãi vã, xô xát xảy ra liên tục khiến không khí gia đình lúc nào cũng trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Mặt khác mâu thuẫn còn do kinh tế khó khăn, khi đó anh chị đều không có công việc ổn định, cuộc sống phụ thuộc vào gia đình hai bên nên chị T thường có thái độ không tôn trọng anh và gia đình nhà chồng, thậm chí chị T thường nói với anh muốn ly

hôn để tìm cuộc sống mới tốt đẹp hơn, chị T thường kiếm có gây sự với anh rồi bỏ về gia đình nhà ngoại sinh sống, anh cũng khuyên can rất nhiều nhưng chị T không thay đổi, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc nên tâm lý của các con cũng bị ảnh hưởng. Thời gian đầu anh cũng muốn ly hôn chị T nhưng vì thương hai con còn nhỏ nên lại cố gắng bỏ qua, tìm nhiều biện pháp khắc phục tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra và còn trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, anh chị tránh mặt nhau không muốn nói chuyện hay bàn bạc với nhau nữa, việc của ai người đó tự làm. Từ năm 2015 anh chị chính thức sống ly thân nhau, chị T về gia đình nhà ngoại ở cũng gần nhà anh nhưng từ sau đó chỉ về thăm con, anh chị không tìm biện pháp gì để khắc phục. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được đại diện khu phố và gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay anh xác định không còn tình cảm dành cho chị T, mâu thuẫn vợ chồng anh đã rất trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: anh và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Đào Anh Tuấn T, sinh ngày xx/x/xxxx và Đào Khánh L, sinh ngày xx/x/xxxx, từ khi sống ly thân các con chung ở cùng với anh, được anh chăm sóc chu đáo, phát triển tốt, chị T cũng không quan tâm đến con chỉ thỉnh thoảng về qua nhà thăm con; cả hai con đều có nguyện vọng được ở cùng với anh, anh cũng không muốn các con phải xa nhau nên để đảm bảo sự phát triển của các con chung anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Được nuôi dưỡng các con chung anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con, hiện nay thu nhập của anh là 8 triệu đồng/tháng, có nhà ở ổn định gần trường học, bệnh viện... anh đảm bảo được các điều kiện nuôi dưỡng các con chung. Chị T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn – chị Nguyễn Thị T nhiều lần nhưng chị T cố tình vắng mặt do vậy Tòa án không lấy được lời khai của chị T, chị T không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Bà Văn Thị Đào là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T có lời khai tại hồ sơ thể hiện như sau: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T, năm 2007 chị T và anh H kết hôn với nhau rồi về gia đình nhà anh H sinh sống, cuộc sống chung của chị T và anh H hạnh phúc cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên có những cãi vã, xô xát xảy ra khiến tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn. Khi các con có mâu thuẫn, hai gia đình cũng đã phân tích cho các con hiểu và tìm cách hàn gắn mâu thuẫn nhưng không khắc phục được, việc cãi nhau xảy ra liên tục khiến không khí gia đình thêm mệt mỏi. Chị T nhiều lần nói với bà không còn tình cảm dành cho anh H nữa và mong muốn được ly hôn, bà không biết làm gì để hàn gắn tình cảm của hai con. Các cháu của bà thường xuyên nói chuyện với bà về việc bố mẹ cãi vã làm ảnh hưởng đến cuộc sống

và học tập của các cháu, vì vậy chị T đã quyết định sống ly thân với anh H 06 năm nay về sống cùng với bà, trong thời gian sống ly thân các con bà chưa bao giờ nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ hỏi thăm đến các con. Đến nay bà nhận thấy hai con không còn tình cảm dành cho nhau nữa, anh H làm đơn xin ly hôn, chị T biết nhưng do phải đi làm không lên Tòa án giải quyết, chị T nói với bà cũng đồng ý ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H và chị T được ly hôn. Về con chung: anh H và chị T có 02 con chung, khi ly hôn bà đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng vì thực tế con bà không có công việc, thu nhập ổn định, chỗ ở nhà bà chật trội, không đảm bảo điều kiện chăm sóc các cháu phát triển tốt. Trong thời gian anh H, chị T sống ly thân các cháu được ở cùng với anh H đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt, anh H có việc làm, thu nhập 8 triệu đồng/tháng. Gia đình anh H là người hiền lành, yêu thương các cháu nên bà yên tâm để anh H nuôi dưỡng các cháu. Anh H và chị T không có tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đào Văn H, anh H được ly hôn với chị T. Anh H được nuôi dưỡng các con chung, chị T không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Đào Văn H yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Nguyễn Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ cho chị T nhưng chị T cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: cuộc hôn nhân giữa anh Đào Văn H và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C vào năm 2007. Sau kết hôn anh chị về sống cùng gia đình nhà nội tại tổ 3, khu A2, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị theo anh H trình bày thì đến năm 2012 thì đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên

nhân là do tính cách của anh chị không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh chị không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất nên dẫn đến cãi vã và xô xát xảy ra khiến không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng, mệt mỏi. Chị T nhiều lần muốn ly hôn nhưng anh H không đồng ý vì thương con còn nhỏ, sau này chị T kiếm có gây sự với anh H rồi bỏ về gia đình nhà ngoại ở và sống ly thân với anh H từ năm 2015, anh chị không tìm biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Bản thân chị T khi được triệu tập họp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ chị T cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên anh H xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của anh H và chị T cũng phù hợp với lời khai của con chung của anh chị, phù hợp với lời khai của bà Văn Thị Đào là mẹ đẻ của chị T và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị T.

* Về con chung: Anh Đào Văn H và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Đào Anh Tuấn T, sinh ngày xx/xx/xxxx và Đào Khánh L, sinh ngày xx/x/xxxx, các con chung của anh chị cũng đều có nguyện vọng được anh H nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, anh H cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho các con chung. Đại diện khu phố nơi anh chị cư trú cũng cho biết “đề nghị Tòa án tôn trọng nguyện vọng của các cháu, thực tế hai con chung đang ở cùng anh H. Ở địa phương, anh H là công dân tốt, chấp hành chính sách, chưa bao giờ bị xử phạt về hành vi ngược đãi con chung”. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn, quan điểm của anh H cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung của anh chị. Xét thấy yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh H là chính đáng, anh H cũng có thu nhập và có sự giúp đỡ, hỗ trợ của gia đình nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng các con chung phát triển tốt. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cả hai con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và cũng như đảm bảo được các điều kiện cho sự phát triển cho con chung của anh chị. Do anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Anh Đào Văn H và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Anh Đào Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đào Văn H và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Đào Anh Tuấn T, sinh ngày xx/x/xxxx và Đào Khánh L, sinh ngày xx/x/xxxx cho anh Đào Văn H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đào Văn H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp ngày xx/x/xxxx theo biên lai số: 000xxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

